

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu ở Kiên Giang

Trần Tuệ Quang
Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang

Kiên Giang là 1 trong 13 tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, là tỉnh nằm tận cùng phía Tây Nam của Tổ quốc. Là tỉnh lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long, tổng diện tích đất tự nhiên của Kiên Giang là 634.627,21 ha, trong đó: Nhóm đất nông nghiệp 575.697,49 ha chiếm 90,71% đất tự nhiên (riêng đất lúa 395.820 ha chiếm 68,75% đất nông nghiệp); nhóm đất phi nông nghiệp 53.238,38 ha, chiếm 8,39% diện tích tự nhiên; nhóm đất chưa sử dụng 5.691,34 ha, chiếm 0,90% diện tích tự nhiên; đất có mặt nước ven biển 13.781,11 ha (là chỉ tiêu quan sát không tính vào diện tích đất tự nhiên). Hiện nay, đất đai ở Kiên Giang chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đang diễn ra ở quy mô toàn cầu do các hoạt động của con người làm phát thải quá mức khí nhà kính vào bầu khí quyển. Biến đổi khí hậu đã tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới. Vấn đề biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện, sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, như lương thực, nước, năng lượng, các vấn đề về an toàn xã hội, văn hóa, thương mại. Là một trong những nước chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, Việt Nam coi ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề có ý nghĩa sống còn (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2012).

Kiên Giang là tỉnh ven biển có nhiều thuận lợi cho việc nuôi trồng và đánh bắt hải sản, thuận tiện cho việc giao lưu, thông thương với các tỉnh bạn và quốc tế nhưng cũng là nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến đổi khí hậu, làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất. Để chủ động thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, đảm bảo sản xuất và đời sống của người dân, việc nghiên cứu các mô hình sử dụng đất thích ứng với diện tích ngập và mặn tăng bằng cách chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết nhằm đảm bảo sử dụng đất hiệu quả và bền vững.

2. Hiện trạng mô hình sử dụng đất nông nghiệp ở Kiên Giang hiện nay

Trong những năm qua (giai đoạn 2001 — 2014), đất trồng lúa tỉnh Kiên Giang luôn theo xu thế tăng và mở rộng diện tích; chú trọng thâm canh tăng vụ để khai thác hiệu quả quý đất. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến năm 2020 và những năm tiếp theo, khả năng mở rộng diện tích lúa không nhiều, áp lực về nâng cao hiệu quả sử dụng đất để tạo giá trị cao, phát triển bền vững,

nhằm mang lại thu nhập cao, ổn định cho người trồng lúa ngày càng lớn. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa một cách phù hợp; đồng thời chú trọng ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tạo ra giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu.

* Về sản xuất lúa:

Tính đến năm 2017, toàn tỉnh có diện tích đất lúa khoảng 395.820 ha, tăng 18.453 ha so với năm 2010. Diện tích đất trồng lúa tăng thêm chủ yếu được chuyển đổi từ đất rừng của các huyện thuộc vùng TGLX: Giang Thành, Kiên Lương, Hòn Đất; vùng UMT: An Minh, U Minh Thượng và vùng TSH là huyện Giồng Riềng.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất lúa, trong những năm qua đã có sự chuyển dịch từ cơ cấu 02 vụ lúa Đông Xuân - Hè Thu sang cơ cấu 03 vụ lúa: Đông Xuân - Hè Thu - Thu Đông ở các huyện thuộc vùng TSH (Giồng Riềng, Tân Hiệp, Gò Quao) và một số diện tích có đề bao kiểm soát lũ đảm bảo ở vùng TGLX (Kiên Lương, Hòn Đất); ngoài ra ở huyện Gò Quao và Giang Thành cũng đã phát triển mô hình 03 vụ lúa/năm nhưng quy mô không lớn. Riêng ở vùng UMT do Chương trình ngọt hóa vùng bán đảo Cà Mau chưa được thực hiện nên người dân đã chuyển đổi sang phát triển mô hình 01 vụ lúa - 01 vụ tôm cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất 02 vụ lúa không ổn định do thiếu nước ngọt. Ngoài 02 xu thế chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trồng lúa như trên, đã xuất hiện các mô hình chuyển đổi từ đất 02 vụ lúa sang phát triển mô hình 02 vụ lúa - 01 vụ màu ở Giang Thành, Hòn Đất thuộc vùng TGLX và ở An Biên, Vĩnh Thuận

thuộc vùng UMT nhưng do hạn chế về thị trường tiêu thụ sản phẩm rau màu nên quy mô không lớn.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và ứng phó với tình trạng xâm nhập mặn, trong những năm qua 1 phần diện tích đất trồng lúa của Kiên Giang đã được chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản (từ năm 2016 đến nay đã chuyển đổi từ đất lúa sang nuôi tôm trên 10.000 ha) hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản — trồng lúa.

Từ năm 2001 đến năm 2016, Kiên Giang dẫn đầu cả nước về sản lượng lúa, hiện chiếm 10,1% sản lượng lúa cả nước; sản lượng lúa của tỉnh đạt cao nhất vào năm 2015 với sản lượng đạt trên 4.642.000 tấn. Liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và dịch vụ, ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất lúa ngày càng phát triển nhân rộng, cơ cấu giống trong sản xuất, nhất là giống lúa chất lượng cao tăng cao.

Tuy nhiên, trong 2 năm trở lại đây, do biến đổi khí hậu, hạn hán, mặn xâm nhập làm cho diện tích, năng suất và sản lượng lúa của tỉnh giảm dần: năm 2016, diện tích giảm 3.431 ha, năng suất giảm 0,6 tấn/ha, sản lượng giảm 481.206 tấn; năm 2017, diện tích giảm 41.222 ha, năng suất dự kiến giảm 0,12 tấn/ha so với cùng kỳ, sản lượng ước 4.051.896 tấn, giảm 468.493 tấn so với kế hoạch và bằng 97,36% so với cùng kỳ.

Tập quán sản xuất trong dân chưa thay đổi nhiều, một số chưa chấp hành tốt lịch thời vụ, đại bộ phận nông dân còn quen với sạ dày (chiếm 74,64% diện tích); năng lực sản xuất giống còn hạn chế; một số chuỗi liên kết sản xuất giữa nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp còn thiếu bền vững; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún nên khó xây dựng thương hiệu và liên kết tiêu thụ; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm nên khó khăn trong khâu liên kết tiêu thụ... từ đó hiệu quả sản xuất từ trồng lúa, cũng như sản xuất của ngành nông nghiệp chưa cao và thiếu bền vững.

* Về nuôi trồng thủy sản:

Nuôi trồng thủy sản của Kiên Giang tập trung ở 3 vùng chủ yếu: vùng TGLX tập trung phát triển loại hình nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp; vùng UMT phát triển nuôi tôm - lúa luân canh, nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến; vùng BD Phú Quốc - Kiên Hải và các xã đảo thuộc huyện Kiên Lương và thị xã Hà Tiên phát triển nuôi cá lồng bè và các loài nhuyễn thể 2 mảnh vỏ.

Đến năm 2016, diện tích đưa vào nuôi trồng thủy sản: 221.880 ha, sản lượng đạt 196.049 tấn. So với năm 2010 diện tích, tăng: 1,86 lần và sản lượng tăng 2 lần, trong đó diện tích nuôi tôm: 100.885 ha, tăng: 1,30 lần, sản lượng: 52.210 tấn, tăng: 1,63 lần.

Mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp với rừng ngập mặn và mô hình trồng rừng ngập mặn thích ứng cao với biến đổi khí hậu, phù hợp với các khu vực ven

biển, các cửa sông, cửa biển thích ứng với nước biển dâng, xâm nhập mặn.

Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ: 116.675 ha, sản lượng: 57.189 tấn. Trong đó: Nuôi tôm chuyên canh - bán chuyên canh (CN - BCN): 2.084 ha, sản lượng: 11.426 tấn; tôm lúa: 89.957 ha, sản lượng: 38.318 tấn (tôm càng xanh: 10.446 ha, sản lượng: 5.876 tấn); tôm quảng canh cải tiến: 24.634 ha, sản lượng: 7.445 tấn.

Mô hình nuôi trồng thủy sản thích ứng trung bình với biến đổi khí hậu, hiện đang được nhân rộng vì vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao, thu hút nhiều lao động và thích ứng với nước biển dâng và xâm nhập mặn, tuy nhiên tính bền vững với môi trường sinh thái chưa cao.

Mô hình sử dụng đất chuyên lúa, chuyên màu ít thích ứng với biến đổi khí hậu, đây là những mô hình điển hình của vùng đồng bằng sông Cửu Long, mang lại hiệu quả kinh tế trung bình, đảm bảo an ninh lương thực, được sự chấp thuận của người dân.

Các loại đất có diện tích bị mặn hóa nhiều và cần chuyển mục đích sử dụng là đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản nhằm đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, hợp lý, hạn chế bỏ hoang hóa không sử dụng. Các khu vực bị mặn hóa nhiều tập trung ở các khu vực trồng lúa tại xã ven biển.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu, đất nông nghiệp sẽ chịu ảnh hưởng nhiều do ngập tăng 4.382,33ha và mặn hóa 2.287,96ha, để sử dụng đất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu mà vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế và phát triển của các ngành, trên cơ sở đánh giá mức độ thích ứng của các mô hình sử dụng đất, Kiên Giang cần có giải pháp kịp thời để bố trí chuyển mục đích sử dụng đất các khu vực bị ngập tăng là 2.310,59ha và mặn hóa là 2.216,09ha.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Kiên Giang

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Kiên Giang, làm cho nông nghiệp của tỉnh phát triển bền vững, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian tới cần tập trung làm tốt các giải pháp sau:

Một là, quy hoạch vùng sản xuất để bố trí các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm đất đai của từng vùng

Hiện tại, Kiên Giang được chia thành 4 vùng sinh thái: Tứ giác Long Xuyên; vùng Tây sông Hậu, vùng U Minh Thượng và vùng biển, đảo. Đất nông nghiệp của tỉnh tập trung tại TGLX, TSH và UMT, đất nông nghiệp tại mỗi vùng có đặc điểm riêng, phù hợp với từng đối tượng cây trồng vật nuôi nhất định. Do đó, cần có sự quy hoạch vùng sản xuất để bố trí các loại cây trồng vật nuôi cho phù hợp.

Đối với vùng TGLX:

- Những địa phương đầu nguồn (tiếp giáp với tỉnh

An Giang) đất đai có đặc điểm là nhiễm phèn, nhưng hàng năm có lũ của sông Cửu Long là điều kiện tốt để rửa phèn, tăng thêm độ màu mỡ cho đất. Những địa phương này có thể quy hoạch thành vùng sản xuất lúa 02 vụ, tiến tới từng bước xây dựng hệ thống đê bao để sản xuất 03 vụ lúa, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Những địa phương ven biển, đất đai có đặc điểm vừa nhiễm phèn, vừa nhiễm mặn trồng lúa hiệu quả không cao. Quy hoạch những địa phương này thành vùng nuôi tôm công nghiệp, hoặc chuyển dịch sang mô hình tôm — lúa.

Đối với vùng TSH: đất đai ở vùng này có đặc điểm là nhiễm phèn, hàng năm có lũ, nước ngọt quanh năm. Do đó, quy hoạch vùng TSH thành vùng sản xuất lúa quy mô tập trung, chuyên canh chất lượng cao (theo mô hình cánh đồng lớn) cùng với đó cần có chương trình xây dựng thương hiệu lúa gạo Kiên Giang để nâng lên giá trị của sản phẩm.

Đối với vùng UMT: đây là vùng đất phèn trên than bùn ngập nước, hàng năm vào các tháng mùa khô thường bị mặn xâm nhập. Vì vậy, đối với vùng này quy hoạch kết hợp lâm nghiệp — nông nghiệp — thủy sản với những mô hình như: trồng rừng kết hợp nuôi thủy sản ven biển, tôm — lúa...

Hai là, chuyển đổi mô hình canh tác để hình thành các mô hình hiệu quả

Hình thành vùng sản xuất lúa quy mô tập trung, chuyên canh chất lượng cao (theo mô hình cánh đồng lớn) ở Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Châu Thành.

Phát triển nuôi trồng thủy sản đa dạng theo quy hoạch, tập trung phát triển nuôi tôm công nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên, nâng diện tích lên khoảng 8.000 ha vào năm 2020, đồng thời phát triển các mô hình nuôi tôm - lúa, tôm xen canh có hiệu quả ở vùng U Minh Thượng. Qua thực tế thực hiện theo mô hình một vụ tôm - một vụ lúa ở những vùng đất làm lúa kém hiệu quả cho thấy mô hình này đạt hiệu quả cao hơn nhiều làm chuyên lúa. Nếu như tổng chi phí đầu tư hai vụ lúa/ha/năm gần 35 triệu đồng, thu hoạch 14 tấn/năm và thu về trên 67 triệu đồng, lợi nhuận trên 32 triệu đồng. So với mô hình một vụ tôm - một vụ lúa; trong đó, chi phí một vụ lúa trên 16,5 triệu đồng/ha, thu hoạch trên 36,7 triệu đồng, lợi nhuận gần 21 triệu đồng; chi phí một vụ tôm trên 22 triệu đồng, thu hoạch 51 triệu đồng, lãi gần 29 triệu đồng. Như vậy, so sánh hiệu quả giữa kinh tế hai mô hình 2 vụ lúa và mô hình một vụ lúa - một vụ tôm thì mô hình một tôm - một lúa/năm sẽ lãi hơn mô hình hai lúa/năm là gần 17 triệu đồng/ha/năm.

Quy hoạch ổn định diện tích đất lâm nghiệp, phát triển rừng sản xuất làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng các vườn quốc gia và rừng phòng hộ ven biển.

Ba là, đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu

Ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, cống, đê sông, đê biển, điện phục vụ sản xuất, nhất là vùng chuyên canh lúa, nuôi trồng thủy sản tập trung. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, làm giảm tổn thất, nâng cao chất lượng sản phẩm sau thu hoạch.

Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác, liên kết giữa hộ gia đình với các tổ chức kinh tế hợp tác, doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản.

Tiếp tục huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của người dân, đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở các lĩnh vực công nghiệp chế biến, dịch vụ, làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sẽ góp phần làm cho nông nghiệp ở Kiên Giang phát triển bền vững, tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để đất nông nghiệp ở Kiên Giang được sử dụng có hiệu quả, cần quy hoạch vùng để bố trí cây trồng vật nuôi cho phù hợp; xây dựng các mô hình canh tác hiệu quả và xây dựng kết cấu hạ tầng, ứng dụng khoa học để ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu./.

Tài liệu tham khảo

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014b). Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội

Nguyễn Đình Bồng, Lê Thái Bạt, Đào Trung Chính, Trịnh Văn Toàn, Đào Văn Dinh, Nguyễn Thị Thu Trang và Đinh Gia Tuấn (2013). Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất đai, ứng phó với biến đổi khí hậu, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội

Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2012). Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển, Diễn đàn phát triển Doanh nghiệp, Hà Nội

Trương Quang Học (2011). Tác động của biến đổi khí hậu lên đất ngập nước, Kỳ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, Đất ngập nước và biến đổi khí hậu, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, tr.291-301.

Chaudhry P. and R. Ruyschaert (2007). Climate Change and Human development in Vietnam: A case study, Human Development Report.